

	sở hữu hoặc đi thuê	
14	Máy đầm dùi, còn sử dụng tốt, có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	2
15	Máy đầm bàn, còn sử dụng tốt, có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	2
16	Máy phun, tưới nhựa đường, còn sử dụng tốt, có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	1
17	Máy rải BTN, năng suất $\geq 65T/h$, còn sử dụng tốt, có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	1
18	Thiết bị sơn kẻ vạch đường (trộn bộ: nấu và sơn), còn sử dụng tốt, có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	1
19	Máy thủy bình, còn sử dụng tốt, có tài liệu chứng minh sở hữu hoặc đi thuê	1

c) Trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký kết hợp đồng, nhà thầu có nghĩa vụ huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu như đã đề xuất ban đầu hoặc đề xuất thay đổi theo quy định tại Mục này. Trường hợp không huy động được nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu, nhà thầu bị phạt hợp đồng.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng và phòng thí nghiệm:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Đối với các thiết bị, vật tư, vật liệu chính sử dụng cho gói thầu (Xi măng, cát, đá, sắt thép, bê tông nhựa, thiết bị điện ...)	Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc. Nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất... từng loại (<i>kèm theo cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc và tài liệu pháp lý chứng minh</i>)	Đạt
	Không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc. Không nêu chi tiết nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất... từng loại <i>Nhà thầu kê khai không đầy đủ và không có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc nhưng không kèm theo tài liệu pháp lý chứng minh.</i>	Không đạt

1.2. Cam kết chất lượng vật liệu	Nhà thầu phải có các cam kết sau: - Cam kết tất cả các loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu sử dụng cho gói thầu đáp ứng theo các quy định tại QCVN 16:2023/BXD quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; - Cam kết tất cả các loại vật liệu xây dựng sử dụng cho gói thầu đều có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng và đảm bảo chất lượng theo các quy trình thi công và nghiệm thu hiện hành.	Đạt
	Không có cam kết đáp ứng yêu cầu trên	Không đạt
1.3. Phòng thí nghiệm, trong đó có chức năng thực hiện được đầy đủ các thí nghiệm cho gói thầu	Có chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm sử dụng cho gói thầu, kèm theo Quyết định của phòng LAS-XD	Đạt
	Không có: Chứng minh sở hữu hoặc Hợp đồng nguyên tắc đi thuê phòng thí nghiệm sử dụng cho gói thầu.	Không đạt
Kết luận	<i>Cả 03 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có ≥ 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Giải pháp phá dỡ, tháo dỡ các công trình cũ	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, đảm bảo an toàn cho công trình xung quanh, đảm bảo an toàn lao động cho người thi công	Đạt
	Không có hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng, không đảm bảo các yêu cầu về an toàn.	Không đạt
2.2. Giải pháp kỹ thuật thi công chính: + Biện pháp đo đạc địa hình + Biện pháp đào, đắp đất, vận chuyển phế thải, đất thừa	Có giải pháp kỹ thuật hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Không đạt

<ul style="list-style-type: none"> + Biện pháp thi công bờ vây ngăn nước + Biện pháp thi công cốt pha, cốt thép, bê tông + Biện pháp thi công xây, trát + Biện pháp thi công di chuyển đường ống nước sinh hoạt + Các biện pháp thi công nền đường, mặt đường nhựa Asphalt + Biện pháp thi công sơn, vạch kẻ đường. + Các biện pháp Di chuyển đường điện hạ thế và thi công hệ thống điện chiếu sáng. 		
Kết luận	<i>Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

3. Biện pháp tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí cổng ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công	Có biện pháp tổ chức mặt bằng hợp lý, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng.	Đạt
	Không có hoặc có biện pháp tổ chức mặt bằng nhưng không hợp lý, không phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng hoặc không có giải pháp	Không đạt
3.2. Tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường	Có sơ đồ hệ thống tổ chức của nhà thầu tại công trường hợp lý, phù hợp với kế hoạch và biện pháp thi công, tiến độ thi công. - Thuyết minh đầy đủ, nêu rõ trách nhiệm cụ thể từng bộ phận, cá nhân trong việc thực hiện quản lý chất lượng, tiến độ, khối lượng công việc, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, ... đảm bảo phù hợp với kế hoạch và biện pháp tổ chức thi công.	Đạt

	Không thể hiện đầy đủ các nội dung yêu cầu.	Không đạt
Kết luận	<i>Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

4. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 360 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công.	Đề xuất thời gian thi công ≤ 360 ngày có tính đến điều kiện thời tiết.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công > 360 ngày.	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động vật tư, thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công	Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b).	Đạt
	Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b).	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E HSMT	Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E HSMT.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Kết luận	<i>Cả 03 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có ≥ 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công	Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công.	Không đạt

Kết luận	<i>Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
Kết luận	<i>Cả 03 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có ≥ 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

7. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
7.1. Bảo hành		
7.1.1. Thời gian bảo hành 12 tháng.	Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng.	Không đạt
7.1.2. Có cam kết khắc phục các sự cố, hư hỏng công trình trong thời gian bảo hành chậm nhất 03	Nhà thầu có cam kết đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Nhà thầu không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

ngày kể từ ngày nhận được thông báo.		
7.2. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong vòng trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm đóng thầu.	Nhà thầu Không vi phạm về uy tín và có cam kết kèm theo hoặc Nhà thầu vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu nhưng đã thực hiện đảm bảo dự thầu theo quy định. Không có cam kết hoặc Nhà thầu vi phạm về uy tín trong việc tham dự thầu nhưng không thực hiện đảm bảo dự thầu theo quy định.	Đạt Không đạt
Kết luận	<i>Cả 02 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt.</i>	Đạt
	<i>Có ≥ 01 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt.</i>	Không đạt

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDXTC

Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 31 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 32 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.